

Qǐng jiāng zhèngquè de jiěshì yǔ shēngcí jìnxíng pèiduì  
請將正確的解釋與生詞進行配對

|                |                                                                                                                                                                                             |
|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                | Duì xiàng<br>對、向                                                                                                                                                                            |
| bǐcǐ<br>彼此     |                                                                                                                                                                                             |
|                | Bǎ liǎng gè hěn xiàng de dōngxi zuò bǐjiào,<br>把兩個很像的東西做比較，<br>zhèyàng shuō de huà huò xiě de wénzhāng huì gèng qīngchū shēngdòng,<br>這樣說的話或寫的文章會更清楚、生動，<br>yě gèng róngyì fǎjiě<br>也更容易理解。 |
| dòngshǒu<br>動手 |                                                                                                                                                                                             |

Rén hé rén zhījiān hùxiāng guānxīn huò hùxiāng yǐngxiǎng  
人和人之間互相關心或互相影響。

bǐyù  
比喻

Ōudǎ huò zhēngdòu  
毆打或爭鬥

cháo  
朝